

Số: **01/2024/QĐCNTTLH**

Nậm Nhùn, ngày 29 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Khoảng Thị Gi và anh Cà Văn H;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của chị Khoảng Thị Gi.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 11 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Người khởi kiện: Chị **Khoảng Thị Gi**, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

+ Người bị kiện: Anh **Cà Văn H**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.**

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1980. Chức vụ: Phó Giám đốc - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Địa chỉ: Tổ dân phố Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 11 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31 tháng 7 năm 2024, cụ thể

như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Khoàng Thị Gi và anh Cà Văn H đều thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con chung: Chị Khoàng Thị Gi và anh Cà Văn H có 03 con chung. Con thứ nhất tên Cà Đức H, sinh ngày 24/8/2011; Con thứ hai tên Cà Thị Kim Ch, sinh ngày 20/9/2013; Con thứ ba tên Cà Đức Kh, sinh ngày 11/7/2022. Chị Khoàng Thị Gi và anh Cà Văn H thống nhất thỏa thuận: Sau khi ly hôn chị Khoàng Thị Gi là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả ba con chung là cháu Cà Đức H, sinh ngày 24/8/2011; Cà Thị Kim Ch, sinh ngày 20/9/2013 và Cà Đức Kh, sinh ngày 11/7/2022 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Khoàng Thị Gi và anh Cà Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Cà Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Chị Khoàng Thị Gi và anh Cà Văn H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Người khởi kiện chị Khoàng Thị Gi, người bị kiện anh Cà Văn H và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ đều xác nhận: Chị Khoàng Thị Gi và anh Cà Văn H có 02 khoản nợ chung vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Lần thứ nhất anh H đại diện theo ủy quyền đứng ra vay Ngân hàng với số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng để mua bò sinh sản theo Sổ vay vốn có mã khách hàng: 7056338677, ngày 04/01/2021. Lần thứ hai anh H tiếp tục vay Ngân hàng với số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), thời hạn vay 120 tháng, mục đích sử dụng để mua bò sinh sản theo Hợp đồng tín dụng số 7056338677/2022/HĐ-TD, ngày 05/10/2022. Tổng số tiền cả hai khoản vay trên là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Từ thời điểm vay vốn cho đến nay, anh H và chị Gi vẫn đang thực hiện việc trả lãi hàng tháng nhưng chưa trả được khoản tiền nợ gốc nào cho Ngân hàng. Các đương sự thống nhất thỏa thuận về việc trả nợ cụ thể như sau:

+ Đối với người khởi kiện chị Khoàng Thị Gi: Sau khi ly hôn chị Khoàng Thị Gi sẽ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc theo Sổ vay vốn có mã khách hàng: 7056338677, ngày 04/01/2021 số tiền là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) và trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 7056338677/2022/HĐ-TD, ngày 05/10/2022 số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Tổng số tiền cả 02 Hợp đồng vay, chị Gi sẽ có trách nhiệm trả số nợ gốc là 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*) cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu và chưa bao gồm lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng cho đến

khi chị Gi thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng.

+ Đối với người bị kiện anh Cà Văn H: Sau khi ly hôn anh Cà Văn H sẽ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc còn lại theo Sổ vay vốn có mã khách hàng: 7056338677, ngày 04/01/2021 số tiền là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) và trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc còn lại theo Hợp đồng tín dụng số: 7056338677/2022/HĐ-TD, ngày 05/10/2022 số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Tổng số tiền cả 02 Hợp đồng vay, anh H sẽ có trách nhiệm trả số nợ gốc còn lại là 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*) cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu và chưa bao gồm lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng cho đến khi anh H thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- TAND tỉnh Lai châu;
- UBND xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên (nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS huyện Nậm Nhùn;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Lý Đức Hiệp